

Số: /2024/QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định làm đại diện chủ sở hữu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 97/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số

121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày / /2024 về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định làm đại diện chủ sở hữu, Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/...../2024 và áp dụng từ năm tài chính 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chánh Thanh tra tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu VP1, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định làm đại diện chủ sở hữu

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 87/2015/NĐ-CP).

2. Những nội dung chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân tỉnh);

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định làm đại diện chủ sở hữu;

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định làm đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

4. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục thuế tỉnh; Thanh tra tỉnh; các cơ quan quản lý Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tại Quy chế này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Nam Định thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo quy định

tại Quy chế này và quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Trường hợp quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Chương II

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NĂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Mục 1. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 3. Kế hoạch tài chính

1. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

2. Kế hoạch tài chính

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực và nhu cầu thị trường, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch công ty quyết định.

b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch Công ty quyết định, doanh nghiệp thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

c) Kế hoạch tài chính được lập theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chính thức bằng văn bản để doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở để Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 4. Kế hoạch giám sát tài chính

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh lập, ban hành kế hoạch giám sát tài chính (bao gồm kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tài chính) đối với các doanh nghiệp. Kế hoạch giám sát tài chính phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát đối với mỗi doanh nghiệp. Kế hoạch giám sát tài chính phải được lấy ý kiến của cơ quan tài chính và các Bộ, ngành liên quan, Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để hoàn thiện, phê duyệt và công bố trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Mục 2. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 5. Chủ thể giám sát

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

Điều 6. Nội dung, căn cứ giám sát tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 7. Phương thức giám sát tài chính

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức giám sát (giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau) đối với từng doanh nghiệp tại Kế hoạch giám sát tài chính hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong thực hiện các nội dung giám sát.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nội dung giám sát hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, việc chấp hành pháp luật về đầu tư, việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và báo cáo khác theo lĩnh vực quản lý.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện nội dung giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động và báo cáo khác theo lĩnh vực quản lý.

3. Cục Thuế tỉnh thực hiện nội dung giám sát việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chấp hành pháp luật về thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác theo lĩnh vực quản lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nội dung giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; tình hình chấp hành chế độ chính sách, pháp luật chuyên ngành đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; tình hình thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng đối với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi do

Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu và báo cáo khác theo lĩnh vực quản lý.

5. Sở Tài chính thực hiện nội dung giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn; tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp; giám sát kết quả hoạt động kinh doanh; phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chế độ báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo lĩnh vực quản lý.

6. Các nội dung không quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 8 Quy chế này thực hiện theo quy định cụ thể tại Kế hoạch giám sát tài chính hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Cơ chế phối hợp

1. Hàng năm căn cứ Kế hoạch giám sát tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các cơ quan được phân công trách nhiệm tại Điều 8 Quy chế này chủ động thực hiện công tác giám sát theo phương thức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các doanh nghiệp và gửi báo cáo kết quả về Sở Tài chính để tổng hợp.

Đối với phương thức giám sát trực tiếp:

- Trường hợp doanh nghiệp chỉ có 01 nội dung giám sát thì cơ quan được giao thực hiện chủ trì, thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp theo Kế hoạch giám sát tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trường hợp doanh nghiệp có từ 02 nội dung giám sát trở lên thì Sở Tài chính chủ trì, thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp theo Kế hoạch giám sát tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trách nhiệm thực hiện các nội dung giám sát theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Trường hợp các cơ quan đã thực hiện các nội dung giám sát theo kế hoạch hoặc chuyên đề theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thì gửi kết quả về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo.

2. Ngoài các cơ quan được phân công trách nhiệm tại Điều 8 Quy chế này, các cơ quan có liên quan tổng hợp, báo cáo kết quả gửi về Sở Tài chính; cụ thể:

- Sở Nội vụ thực hiện đánh giá đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tại các doanh nghiệp theo Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Thanh tra tỉnh thực hiện đánh giá các sai phạm (nếu có) trong việc thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu do Thanh tra tỉnh thực hiện.

Điều 10. Chế độ báo cáo

1. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ; trong đó:

Doanh nghiệp lập và nộp các báo cáo phục vụ công tác giám sát tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC cho các đơn vị: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Cục Thuế tỉnh, Thanh tra tỉnh.

Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ngoài nộp cho các đơn vị có tên trên, phải thực hiện nộp báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các báo cáo gửi **trước ngày 15/7 năm báo cáo** đối với báo cáo giám sát (06) tháng, **trước ngày 30/4 năm tiếp theo** đối với báo cáo giám sát năm.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Các cơ quan được phân công trách nhiệm tại Điều 8 Quy chế này thực hiện giám sát và gửi báo cáo về Sở Tài chính: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/8 của năm báo cáo; báo cáo năm gửi trước ngày 15/5 của năm tiếp theo. Báo cáo yêu cầu thể hiện kết quả nội dung giám sát, khó khăn, vướng mắc và đề xuất (nếu có).

- Sở Nội vụ gửi báo cáo đánh giá đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tại các doanh nghiệp về Sở Tài chính trước ngày 15/5 của năm tiếp theo.

- Thanh tra tỉnh gửi báo cáo đánh giá các sai phạm (nếu có) trong việc thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu về Sở Tài chính trước ngày 15/5 của năm tiếp theo.

3. Sở Tài chính

Căn cứ các báo cáo do doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị nộp nêu tại khoản 1, 2 Điều 8 Quy chế này và các tài liệu khác có liên quan, Sở Tài chính lập các báo cáo sau:

- Báo cáo giám sát tài chính: Báo cáo giám sát tài chính được lập cho từng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo các nội dung được quy định tại Điều 6 Quy chế này. Trong đó, phải đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp theo các mức độ: an toàn về tài chính, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính; các kiến nghị đối với từng doanh nghiệp.

- Báo cáo kết quả giám sát tài chính: Trên cơ sở báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Sở Tài chính tổng hợp và lập báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; đồng thời lập báo cáo theo Biểu số 03 và 03.A ban hành kèm theo Thông tư số 77/2021/TT-BTC trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet để gửi Bộ Tài chính kèm theo Báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp.

Thời hạn nộp báo cáo (gồm báo cáo kết quả giám sát tài chính, báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp): Trước ngày 25/8 của năm báo cáo đối với báo cáo sáu (06) tháng và trước ngày 25/5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Mục 3. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 11. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt

1. Các dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp được quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Báo cáo kết quả giám sát tài chính hàng năm để ban hành Quyết định giám sát tài chính đặc biệt đối với doanh nghiệp. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt;
- b) Lý do giám sát tài chính đặc biệt;
- c) Nội dung giám sát tài chính đặc biệt.

3. Cơ quan được giao chủ trì giám sát tài chính đặc biệt thực hiện quy trình xử lý đối với doanh nghiệp được đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch và Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt

1. Chủ tịch và Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan được giao chủ trì giám sát tài chính đặc biệt theo biểu mẫu như đối với các doanh nghiệp khác được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Thời hạn báo cáo, tần suất báo cáo

a) Thời hạn báo cáo

- Báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo
- Báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo
- Báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo

b) Tần suất báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại Quyết định giám sát tài chính đặc biệt.

Mục 4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Điều 13. Các tiêu chí đánh giá, căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và kết quả xếp loại doanh nghiệp

1. Tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và Điều 1, 2 Thông tư số 77/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ và kết quả thực hiện kế hoạch giám sát hàng năm.

Điều 14. Phương thức đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại doanh nghiệp

Phương thức đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và các Điều 1, Điều 2, Điều 3 Thông tư số 77/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 15. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp

1. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nêu tại Điều 13 Quy chế này, tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp, lập và gửi Báo cáo đánh giá và xếp loại hàng năm gửi Sở Tài chính để thẩm định.

b) Báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hàng năm được lập theo biểu mẫu quy định kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC; Thông tư số 77/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính và gửi về Sở Tài chính **trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo**.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm đánh giá tình hình thực hiện pháp luật hàng năm của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với lĩnh vực mình quản lý để thực hiện lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính lấy ý kiến trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

4. Đối với các yếu tố tác động đến các tiêu chí 1, 2, 4, 5 quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng tổ chức kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ một số vấn đề làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh thì doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm giải trình cụ thể trong Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 16. Chủ thể giám sát

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện phần vốn nhà nước đối với các Công ty cổ phần có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 17. Nội dung giám sát

1. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện các nội dung giám sát theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, Điều 1 Thông tư số 77/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ thực hiện các nội dung giám sát theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, Điều 1 Thông tư số 77/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 18. Phương thức giám sát

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Việc giám sát tài chính thực hiện gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh do Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp yêu cầu Ban Kiểm soát doanh nghiệp thực hiện kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

Việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 19. Chế độ báo cáo giám sát tài chính

1. Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

a) Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện lập Báo cáo giám sát tài chính theo quy định gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính **trước ngày 20/7 của năm báo cáo** đối với báo cáo sáu (6) tháng và trước ngày 30/4 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

b) Sở Tài chính tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính kèm theo báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 25/7 của năm báo cáo** đối với báo cáo sáu (6) tháng và **trước ngày 25/5 năm tiếp theo** đối với báo cáo năm.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo kết quả giám sát tài chính kèm theo báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 31/7 của năm báo cáo** đối với báo cáo sáu (06) tháng và **trước ngày 31/5 của năm tiếp theo** đối với báo cáo năm.

2. Đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

a) Định kỳ hàng năm, Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ thực hiện lập Báo cáo giám sát tài chính theo quy định gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính **trước ngày 30/4 năm tiếp theo**.

b) Sở Tài chính tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính kèm theo báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 25/5 năm tiếp theo**.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo kết quả giám sát tài chính kèm theo báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 31/5 của năm tiếp theo** đối với báo cáo năm.

Điều 20. Đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước

1. Sử dụng các tiêu chí 1, 2, 3, 4 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP làm tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước gồm: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

2. Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc tiếp tục đầu tư, mở rộng đầu tư hay thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này; đồng thời làm căn cứ đánh giá, khen thưởng đối với Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quy chế này phối hợp với Sở Tài chính thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch, Giám đốc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước:

a) Chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện các biện pháp giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các vấn đề có khả năng gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để xem xét xử lý.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.